

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng năm 2024

Thực hiện Nghị quyết số 125/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 10 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 và Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 10 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước.....11.100 tỷ đồng.
- + Thu nội địa 9.900 tỷ đồng.
- + Thu xuất nhập khẩu 1.200 tỷ đồng.
- Dự toán thu ngân sách địa phương (NSĐP)11.158,5 tỷ đồng.
- + Thu cân đối NSĐP 10.288,0 tỷ đồng.
- + Thu NSTW bổ sung các CT mục tiêu, nhiệm vụ:..... 870,5 tỷ đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương11.169,6 tỷ đồng.
- + Chi cân đối NSĐP:10.299,1 tỷ đồng.
- + Chi các CT mục tiêu, nhiệm vụ: 870,5 tỷ đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương.....11,1 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng năm 2024 như sau:

I. VỀ THU NSNN

Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn 6.375,1 tỷ đồng, đạt 57,4% dự toán, tăng 14,9% cùng kỳ, gồm:

1. Phân theo nguồn thu

- Thu nội địa 5.516,4 tỷ đồng, đạt 55,7% dự toán, tăng 14% cùng kỳ.
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 858,7 tỷ đồng, đạt 71,6% dự toán, tăng 20,9% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố (Tính riêng thu nội địa)

- Khối Tỉnh: 4.032,8 tỷ đồng, đạt 55,6% dự toán.



- Khối Huyện: 1.483,6 tỷ đồng, đạt 56% dự toán, trong đó: 09/9 huyện, thị xã, thành phố đều đạt từ 50% so dự toán trở lên.

II. VỀ CHI NSDP

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương: 4.991,4 tỷ đồng, đạt 44,7% dự toán, giảm 2,7% cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 4.384,7 tỷ đồng, đạt 42,6% dự toán, tăng 4,2% cùng kỳ, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 1.647,2 tỷ đồng, đạt 46,7% dự toán, giảm 12,9% cùng kỳ;

+ Chi thường xuyên: 2.724,5 tỷ đồng, đạt 41,6% dự toán, tăng 18,2% cùng kỳ.

- Chi các CTMT, nhiệm vụ: 606,7 tỷ đồng, đạt 69,7% dự toán, giảm 34,1% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố

- Khối Tỉnh: 2.247,4 tỷ đồng, đạt 41% dự toán;

- Khối Huyện: 2.744 tỷ đồng, đạt 48,2% dự toán.

III. CÂN ĐỐI THU, CHI NSDP

1. Tổng thu NSDP 10.536,8 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết..... 5.312,5 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ NSTW 672,3 tỷ đồng.

- Thu chuyển nguồn..... 4.552,0 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP.....5.000,5 tỷ đồng.

- Chi cân đối Ngân sách địa phương 4.384,7 tỷ đồng.

- Chi các CTMT, nhiệm vụ 606,7 tỷ đồng.

- Chi tạm ứng ngân sách 9,1 tỷ đồng.

3. Tồn quỹ NSDP (1-2)..... 5.536,3 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh..... 2.248,4 tỷ đồng.

- Ngân sách huyện, xã 3.287,9 tỷ đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

1.1. Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, ban, ngành tỉnh với các

huyện, thị xã, thành phố; quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo thu đúng, đủ theo quy định. Tổng thu NSNN trên địa bàn và tổng thu nội địa đạt trên 50% so dự toán, vượt tiến độ.

Có 11/15 khoản thu đạt từ 50% trở lên so với dự toán, gồm: Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 70,7% dự toán, tăng 24,3% cùng kỳ; Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 58,3% dự toán, tăng 38,5% cùng kỳ; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 60,2% dự toán, tăng 7,3% cùng kỳ; Thuế bảo vệ môi trường đạt 50% dự toán, tăng 12,9% cùng kỳ; Thu phí và lệ phí đạt 62,5% dự toán, tăng 11,5% cùng kỳ; Thu tiền thuê đất đạt 56%, tăng 115,9% cùng kỳ; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 71,3% dự toán, tăng 28,5% cùng kỳ; Thu khác ngân sách đạt 55,1% dự toán, giảm 6,8% cùng kỳ; Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích,... tại xã đạt 59,5% dự toán, tăng 49,7% cùng kỳ; Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 53,7% dự toán, tăng 79% cùng kỳ; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 61,8% dự toán, tăng 3,4% cùng kỳ. Nguyên nhân một số nguồn thu tăng cao so dự toán và cùng kỳ chủ yếu là do có dấu hiệu phục hồi, một số hộ sản xuất, kinh doanh và các doanh nghiệp trọng điểm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế GTGT tăng,... Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chuyển biến tích cực, các khó khăn, vướng mắc tiếp tục được tập trung tháo gỡ.

Có 9/9 huyện, thị xã, thành phố có số thu đạt trên 50% dự toán, gồm: Thành phố đạt 51,8%, Hòa Thành đạt 51,4%, Châu Thành đạt 63,9%, Dương Minh Châu đạt 53,6%; Trảng Bàng đạt 58,3%; Gò Dầu đạt 57,4%; Bến Cầu đạt 59,3%; Tân Biên đạt 62,5%, Tân Châu đạt 58,1%.

1.2. Về chi ngân sách

Thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt 52,3% dự toán, giảm 20,3% cùng kỳ. Trong đó, chi từ nguồn cân đối NSDP đạt 46,7% dự toán, giảm 12,9% cùng kỳ; chi từ nguồn NSTW bổ sung đạt 80,2% dự toán, giảm 35,9% cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do số giải ngân các dự án từ nguồn năm trước chuyển sang. Đối với chi đầu tư theo kế hoạch năm 2024, trong 6 tháng đầu năm thực hiện như sau: đã giao chi tiết toàn bộ kế hoạch vốn năm 2024 cho các dự án sử dụng vốn tỉnh quản lý và giao mức vốn hỗ trợ mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố; Thực hiện Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh, đã thành lập Tổ công tác thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh (do Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính chủ trì) làm việc với các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân thấp hơn mức bình quân chung của tỉnh nhằm đôn đốc, kiểm tra, giám sát, xử lý các vướng mắc cụ thể của từng dự án, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công đã đề ra; UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2024, trong đó bổ sung các dự án mới, quan trọng, có tính chất lan tỏa góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chi thường xuyên đảm bảo các nhu cầu chi theo dự toán; trong đó các nhiệm vụ chi thiết yếu như: đảm bảo an sinh xã hội, y tế, giáo dục đào tạo, quốc phòng, an ninh, chi trả tiền lương và các nhiệm vụ cần thiết khác. Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách địa phương đảm bảo theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Các đơn vị được giao quyền tự chủ về tài chính, sử dụng kinh phí tự chủ đúng quy định. Chủ động tăng cường thực hiện việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản công theo quy định.

2. Những khó khăn

2.1. Về thu ngân sách

Trong 6 tháng đầu năm 2024, mặc dù nhiều ngành, lĩnh vực tiếp tục xu hướng phục hồi và có triển vọng tích cực; nhiều chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đã và đang phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế và gặp nhiều khó khăn, thách thức khó lường làm ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước và thực hiện các quy định về miễn, giảm thuế. Có 4/15 khoản thu dưới 50% so với dự toán, gồm: Thu từ DNNN đạt 45,5% dự toán, tăng 15,3% cùng kỳ; Lệ phí trước bạ đạt 40%, giảm 10,8% cùng kỳ; Thuế thu nhập cá nhân đạt 48,9% dự toán, giảm 0,9% cùng kỳ; Thu tiền sử dụng đất đạt 35,8%, giảm 2,2% cùng kỳ. Nguyên nhân một số nguồn thu không đạt chủ yếu do thu từ thuế GTGT các doanh nghiệp trọng điểm của khu vực doanh nghiệp trung ương còn thấp; thị trường bất động sản trầm lắng làm giảm nguồn thu; lệ phí trước bạ nhà đất và xe mô tô giảm mạnh.

2.2. Về chi ngân sách

- Ước thực hiện chi đầu tư phát triển theo kế hoạch năm 2024 còn thấp, cụ thể: chi từ nguồn cân đối NSDP đạt 31,6%, chi từ nguồn NSTW bổ sung đạt 23,3%. Nguyên nhân đạt thấp chủ yếu do: Một số dự án có tiến độ giải ngân chậm do phải điều chỉnh kế hoạch vốn tại một số mục tiêu, nhiệm vụ như: Chương trình Xây dựng nông thôn mới, Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025, một số dự án chuyên tiếp có số vốn lớn phải thực hiện công tác điều chỉnh, phát sinh hạng mục cho phù hợp tình hình triển khai thực tế của dự án (Đường 794, Đường 795, dự án Hệ thống thu gom xử lý nước thải Thành phố ...); công tác chuẩn bị đầu tư một số dự án trọng điểm của tỉnh còn chậm nên chỉ được giao bổ sung kế hoạch vốn năm 2024 trong quý II/2024; năm 2024 có nhiều dự án lớn khởi công mới, nên trong 6 tháng đầu năm và quý III thực hiện công tác chuẩn bị, triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu và thi công các gói thầu xây dựng, dẫn đến việc giải ngân của các dự án trọng điểm sẽ dồn vào cuối năm. Ngoài ra do các nguyên nhân như: văn bản pháp luật về công tác đấu thầu có nhiều thay đổi từ cuối năm 2023 nhưng đến năm 2024

mới có Thông tư hướng dẫn thực hiện, số dự án chậm triển khai do vướng mặt bằng xây dựng hoặc các thủ tục về đất đai,...

- Chi thường xuyên, ngoài lĩnh vực đảm bảo xã hội và chi sự nghiệp phát thanh truyền hình đạt cao so dự toán thì các lĩnh vực còn lại chưa đạt tiến độ dự toán, cụ thể: sự nghiệp kinh tế đạt 27,2% (trong đó: sự nghiệp nông nghiệp 16,8%; sự nghiệp lâm nghiệp 26,7%; sự nghiệp thủy lợi 46,2%; sự nghiệp giao thông 29,7%; sự nghiệp kiến thiết thị chính 31,4% và sự nghiệp kinh tế khác 13,6%); sự nghiệp môi trường đạt 24%; sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề đạt 43,5%; sự nghiệp y tế đạt 36,5%; sự nghiệp văn hóa đạt 44,2%; sự nghiệp thể dục thể thao đạt 38,3%; sự nghiệp KHCN đạt 26,2%; chi quản lý hành chính đạt 47,8%;... Nguyên nhân chủ yếu do một số nhiệm vụ chi phải triển khai thực hiện theo trình tự thời gian quy định, những tháng đầu năm chi tổ chức triển khai thực hiện, chưa nghiệm thu nên chưa thực hiện thanh toán.

(Kèm biểu mẫu số 59, 60, 61/CK-NSNN)

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng năm 2024./.

Nơi nhận: *nh*

- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, tx, tp;
- Sở Tài chính (Đăng Công TTĐT STC);
- TTCBTH (Đăng Công TTĐT tỉnh);
- LĐVP; PKT;
- Lưu: VT. VP.

Trúc 12 8

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 308 /BC-UBND ngày 10/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG 2024	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	11.100.000	10.927.118	98,4%	101,7%
I	Thu cân đối NSNN	11.100.000	6.375.079	57,4%	114,9%
1	Thu nội địa	9.900.000	5.516.360	55,7%	114,0%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.200.000	858.719	71,6%	120,9%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		4.552.039		91,8%
B	TỔNG CHI NSDP	11.169.584	4.991.386	44,7%	97,3%
I	Chi cân đối NSDP	10.299.041	4.384.656	42,6%	104,2%
1	Chi đầu tư phát triển	3.530.122	1.647.174	46,7%	87,1%
2	Chi thường xuyên	6.544.897	2.724.503	41,6%	118,2%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.100	488		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0		
5	Dự phòng ngân sách	213.870	9.235	4,3%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	870.543	606.730	69,7%	65,9%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	11.100	10.759	96,9%	29,2%
D	CHI TRẢ NỢ GÓC	0	3.256		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 308 /BC-UBND ngày 10/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2024	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	11.100.000	6.375.079	57,4%	114,9%
I	Thu nội địa	9.900.000	5.516.360	55,7%	114,0%
1	Thu từ khu vực DNNN	345.000	156.938	45,5%	115,3%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.473.000	1.041.869	70,7%	124,3%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.100.000	1.224.045	58,3%	138,5%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.230.000	601.217	48,9%	99,1%
5	Thuế bảo vệ môi trường	415.000	207.622	50,0%	112,9%
6	Lệ phí trước bạ	455.000	181.847	40,0%	89,2%
7	Thu phí, lệ phí	451.000	281.711	62,5%	111,5%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.270.000	500.026	39,4%	82,5%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20.000	12.036	60,2%	107,3%
-	Thu tiền sử dụng đất	1.050.000	375.996	35,8%	97,8%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	200.000	111.994	56,0%	215,9%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	22.000	15.684	71,3%	128,5%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	1.074	53,7%	179,0%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.900.000	1.173.672	61,8%	103,4%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.000	1.189	59,5%	149,7%
13	Thu khác ngân sách	235.000	129.466	55,1%	93,2%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.200.000	858.719	71,6%	120,9%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu				
2	Thuế xuất khẩu				
3	Thuế nhập khẩu				
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu				
6	Thu khác				
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	9.531.435	5.312.490	55,7%	107,6%
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%				

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
 (Kèm theo Báo cáo số: 308 /BC-UBND ngày 10/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU 2024	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSĐP: (A) + (B)	11.169.584	4.991.386	44,7%	97,3%
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	10.299.041	4.384.656	42,6%	104,2%
I	Chi đầu tư phát triển	3.530.122	1.647.174	46,7%	87,1%
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.530.122	1.520.374	43,1%	94,0%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		126.800		46,2%
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	6.544.897	2.724.503	41,6%	118,2%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.702.994	1.176.077	43,5%	123,2%
2	Chi khoa học và công nghệ	35.049	9.166	26,2%	105,1%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	536.647	196.056	36,5%	134,9%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	113.942	50.375	44,2%	113,0%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	76.409	42.800	56,0%	202,5%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	39.124	14.978	38,3%	131,0%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	136.026	32.711	24,0%	126,1%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	833.354	226.768	27,2%	101,6%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.098.525	525.351	47,8%	116,1%
10	Chi bảo đảm xã hội	497.168	256.339	51,6%	104,6%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.100	488		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0		
V	Dự phòng ngân sách	213.870	9.235	4,3%	
B	NSĐP	870.543	606.730	69,7%	65,9%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	195.288	54.260	27,8%	65,0%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	595.760	532.780	89,4%	65,1%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	79.495	19.689	24,8%	105,1%